

Số: **199/2026/QĐST-HNGĐ**

Đồng Nai, ngày 15 tháng 9 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 và 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 702/2026/TLST-HNGĐ ngày ngày 17 tháng 8 năm 2026, về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Chị Chu Bích N, sinh năm 1991; Nơi thường trú: Tổ B, khu phố D, phường T, thành phố Đ; Chỗ ở hiện nay: Tổ B, khu phố A (nay là khu phố B), phường B, thành phố Đ.

+ Anh Hồ Văn T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ B, khu phố D (nay là khu phố D), phường T, thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Bích N và anh Hồ Văn T tự nguyện kết hôn và được UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay UBND phường T, thành phố Đ) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/12/2015. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc do không có sự chia sẻ với nhau dẫn đến bất đồng quan điểm, lối sống, vợ chồng không có sự thấu hiểu quan tâm lẫn nhau. Hai bên đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả nên chị N và anh T yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 01 (một) con chung là cháu Hồ Ngọc Hải Y, sinh ngày 02/12/2017.

Khi ly hôn, chị N và anh T thỏa thuận giao cháu Y cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị N và anh T thỏa thuận anh T sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000đ cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

[3] Về tài sản chung: Chị Chu Bích N và anh Hồ Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Chị Chu Bích N và anh Hồ Văn T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Chị Chu Bích N và anh Hồ Văn T tự nguyện chịu lệ phí việc dân sự theo quy định.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận việc hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 07 tháng 9 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Bích N và anh Hồ Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Hồ Ngọc Hải Y, sinh ngày 02/12/2017 cho chị Chu Bích N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Hồ Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Thời điểm bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Anh Hồ Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật

- Về tài sản chung: Chị Chu Bích N và anh Hồ Văn T tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Chu Bích N và anh Hồ Văn T khai không có nên không xem xét giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Chu Bích N và anh Hồ Văn T tự nguyện chịu mỗi người 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) lệ phí việc dân sự, tổng cộng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sang nộp lệ phí theo biên lai thu số 0002823 ngày 13/8/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đ. Chị N, anh T đã nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự năm 2025. Thời hiệu yêu cầu thi hành án là 05 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày nghĩa vụ đến hạn, thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 4 - Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 4 - Đồng Nai;
- UBND phường Trảng Dài, TP. Đồng Nai (GCNKH số 488/2015);
- Người yêu cầu;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Thu Trang